



M.S.D.N.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng
Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

(

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Thông tin về Công ty

Giấy phép đầu tư số	197/GP-KCN-ĐN	ngày 24 tháng 1 năm 2003
	197/GPĐC1-KCN-ĐN	ngày 21 tháng 5 năm 2003
	197/GPĐC2-KCN-ĐN	ngày 26 tháng 4 năm 2006
	197/GCNĐC3-KCN-ĐN	ngày 29 tháng 8 năm 2006

Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là theo giấy phép đầu tư số 197/GCNĐC3-KCN-ĐN ngày 29 tháng 8 năm 2006. Giấy phép đầu tư và các giấy phép đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày được cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận đầu tư số	472033000720	ngày 28 tháng 12 năm 2008
----------------------------------	--------------	---------------------------

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được thay đổi nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là theo giấy chứng nhận đầu tư số 472033000720 ngày 28 tháng 7 năm 2016. Giấy chứng nhận đầu tư và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	3600618918	ngày 31 tháng 8 năm 2015
--	------------	--------------------------

Hội đồng Quản trị	Phạm Trung Lâm	Chủ tịch (từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)
		Phó Chủ tịch (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)
	Phạm Phú Ngọc Trai	Chủ tịch (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)
	Trần Phương Bắc	Thành viên (từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)
	Danny Lê	Thành viên
	Dương Thanh	Thành viên (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)
	Yew Kean Lai	Thành viên (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)
	Nguyễn Phúc Hảo	Thành viên (đến ngày 30 tháng 5 năm 2016)

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Giám đốc	Phạm Trung Lâm Ernest Vijyakumar Richards Nguyễn Thị Minh Hằng	Tổng Giám đốc Giám đốc Vận hành (từ ngày 27 tháng 5 năm 2016) Giám đốc Tài chính (từ ngày 27 tháng 5 năm 2016)
Ban Kiểm soát	Lê Phạm Minh Đức Đào Thị Mai Hoa Đoàn Thị Mỹ Duyên Đặng Ngọc Cả Cheong Yew Hoong Nguyễn Duy Phương	Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên (từ ngày 31 tháng 5 năm 2016) Thành viên (từ ngày 31 tháng 5 năm 2016) Thành viên (từ ngày 31 tháng 5 năm 2016) Thành viên (đến ngày 31 tháng 5 năm 2016) Thành viên (đến ngày 31 tháng 5 năm 2016)
Trụ sở đăng ký	Lô A4, đường số 2 Khu công nghiệp Sông Mây Xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính (“Trụ sở chính”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày cho báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 15 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-953-2



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.558.389.035.608	2.058.126.984.488
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	510.114.433.384	294.981.406.686
Tiền	111		29.514.433.384	11.481.406.686
Các khoản tương đương tiền	112		480.600.000.000	283.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		610.957.293.435	1.503.455.524.936
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	169.714.952.228	194.840.832.064
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.470.784.275	4.792.732.257
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	-	730.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	437.495.630.870	577.389.662.288
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.724.073.938)	(3.567.701.673)
Hàng tồn kho	140	9	433.572.605.397	254.725.761.551
Hàng tồn kho	141		435.098.050.529	254.725.761.551
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.525.445.132)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.744.703.392	4.964.291.315
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	3.744.270.352	3.506.774.615
Thuế phải thu Nhà nước	153	16	433.040	1.457.516.700

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.812.233.305.661	313.062.358.103
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.777.726.504.897	27.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	6	2.631.574.458.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	146.152.046.897	27.000.000.000
Tài sản cố định	220		90.245.316.804	103.057.420.923
Tài sản cố định hữu hình	221	10	90.245.316.804	103.057.420.923
<i>Nguyên giá</i>	222		179.785.569.425	178.317.605.615
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(89.540.252.621)	(75.260.184.692)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.714.592.281	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.714.592.281	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	2.897.880.376.279	168.400.204.279
Đầu tư vào công ty con	251		762.390.204.279	168.400.204.279
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.135.490.172.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		44.666.515.400	14.604.732.901
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	7.882.181.022	2.000.065.685
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	36.784.334.378	12.604.667.216
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.370.622.341.269	2.371.189.342.591

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.069.002.741.918	466.762.785.338
Nợ ngắn hạn	310		3.175.935.247.642	455.491.886.831
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	278.960.795.256	122.433.579.733
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		35.424.686.374	2.866.767.897
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	25.705.055.056	22.181.721.885
Phải trả người lao động	314		-	43.402.299.128
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17(a)	267.820.043.846	140.108.614.112
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	1.996.320.457.036	49.284.320.111
Vay ngắn hạn	320	19(a)	571.697.095.368	75.207.469.259
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.114.706	7.114.706
Nợ dài hạn	330		2.893.067.494.276	11.270.898.507
Chi phí phải trả dài hạn	333	17(b)	26.305.969.166	11.270.898.507
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	37.578.191.778	-
Vay và trái phiếu dài hạn	338	19(b)	2.829.183.333.332	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.301.619.599.351	1.904.426.557.253
Vốn chủ sở hữu	410	20	1.301.619.599.351	1.904.426.557.253
Vốn cổ phần	411	21	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		944.868.793	944.868.793
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		944.868.793	944.868.793
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.099.729.861.765	1.702.536.819.667
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		937.290.387.147	817.803.347.161
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		162.439.474.618	884.733.472.506
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.370.622.341.269	2.371.189.342.591

Ngày 15 tháng 3 năm 2017


Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:




 Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

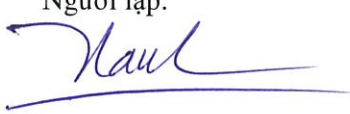
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	3.602.042.800.583	2.353.863.114.710
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	213.555.648.600	156.273.048.652
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	3.388.487.151.983	2.197.590.066.058
Giá vốn hàng bán	11	25	2.669.856.563.845	1.738.268.142.949
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		718.630.588.138	459.321.923.109
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	861.679.897.251	716.757.641.803
Chi phí tài chính	22	27	139.371.353.972	10.134.168.716
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>136.549.062.306</i>	<i>8.210.227.757</i>
Chi phí bán hàng	25	28	333.499.923.816	159.352.882.782
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	85.238.455.031	74.660.008.063
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.022.200.752.570	931.932.505.351
Thu nhập khác	31	30	66.964.467.629	1.301.606.084
Chi phí khác	32	31	4.618.673.839	583.144.680
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		62.345.793.790	718.461.404
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.084.546.546.360	932.650.966.755
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	75.111.699.531	50.491.358.362
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33	(24.179.667.162)	(2.573.864.113)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.033.614.513.991	884.733.472.506

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:


 Nguyễn Thị Thanh Tâm
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.084.546.546.360	932.650.966.755
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	14.335.859.080	14.675.411.595
Các khoản dự phòng	03	681.817.397	2.710.767.822
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.740.344.102	1.916.567.796
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(861.679.897.251)	(716.741.319.354)
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu và phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	06	136.549.062.306	8.210.227.757
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	377.173.731.994	243.422.622.371
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	43.377.802.204	(534.949.249.822)
Biến động hàng tồn kho	10	(180.372.288.978)	(17.508.105.412)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	214.518.747.301	(201.498.117.435)
Biến động chi phí trả trước	12	(6.119.611.074)	(798.749.775)
		448.578.381.447	(511.331.600.073)
Tiền lãi vay và phí bảo lãnh phát hành trái phiếu đã trả	14	(65.544.165.151)	(8.165.703.969)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(75.725.357.618)	(43.966.774.139)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	307.308.858.678	(563.464.078.181)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21	(4.305.334.808)	(695.672.265)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.066.987.566	-
Tiền chi cho vay	23	(6.601.229.473.683)	(730.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24	4.829.426.841.305	378.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(2.729.480.172.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	4.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	1.275.755.693.531	1.094.511.319.353
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.228.765.458.089)	746.315.647.088
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33	9.868.146.228.131	921.524.498.827
Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.541.556.602.022)	(846.317.029.568)
Tiền trả cổ tức	36	(190.000.000.000)	(230.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.136.589.626.109	(154.792.530.741)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	215.133.026.698	28.059.038.166
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	294.981.406.686	266.933.296.802
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	-	(10.928.282)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	510.114.433.384	294.981.406.686

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Trụ sở chính của Công ty (“Trụ sở chính”) đặt tại Lô A4, khu công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chi nhánh của Công ty tại tỉnh Hà Nam được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 06212000062 ngày 18 tháng 1 năm 2006 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp (“Chi nhánh” hoặc “ANCO Hà Nam”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Trụ Sở chính là chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Trụ sở chính nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Trụ sở chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Trụ sở chính có 489 nhân viên (1/1/2016: 329 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời trên có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan đề cập tới nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất cùng các công ty con và công ty liên kết của nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	24.642.500	1.501.876
Tiền gửi ngân hàng	29.489.790.884	11.479.904.810
Các khoản tương đương tiền	480.600.000.000	283.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	510.114.433.384	294.981.406.686

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Phải thu của khách hàng – ngắn hạn

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế (“ANCO Vĩnh Long”)	11.007.834.855	83.999.937.577
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”)	30.365.499.128	9.844.742.000
Các khách hàng khác	128.341.618.245	100.996.152.487
	<hr/>	<hr/>
	169.714.952.228	194.840.832.064

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
ANCO Vĩnh Long	11.007.834.855	83.999.937.577
Proconco	30.365.499.128	9.844.742.000
Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên (“ANCO Thái Nguyên”)	2.788.309.909	14.554.608.125
ANCO Hà Nam	-	13.720.921.446
Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang (“ANCO Tiền Giang”)	2.617.721.399	11.924.365.910
Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An (“ANCO Nghệ An”)	8.042.454.700	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	4.394.357.500	-
Công ty TNHH MTV Con Cò Bình Định	5.851.735.071	-

Các khoản thương mại phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu về cho vay

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu từ Công ty TNHH Kenji (“Kenji”) (*)	788.400.000.000	730.000.000.000
Phải thu từ Công ty TNHH Shika (“Shika”) (**)	1.447.174.458.000	-
Phải thu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) (***)	396.000.000.000	-
	2.631.574.458.000	730.000.000.000
Ngắn hạn	-	730.000.000.000
Dài hạn	2.631.574.458.000	-
	2.631.574.458.000	730.000.000.000

(*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, khoản phải thu về cho vay từ Kenji, một bên liên quan, phản ánh khoản cho vay bằng VND không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 8,0%.

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2016, Trụ sở chính và Kenji đã đồng ý tái cơ cấu lại khoản nợ gốc còn phải thu và lãi lũy kế liên quan tại ngày 6 tháng 1 năm 2016. Khoản cho vay đã tái cơ cấu này sẽ đáo hạn vào ngày 6 tháng 1 năm 2018 và tiền lãi sẽ thu hồi vào ngày đáo hạn.

(**) Khoản phải thu về cho vay từ Shika, một bên liên quan, phản ánh khoản cho vay bằng VND không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 6,5%. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2018 và tiền lãi sẽ thu hồi vào ngày đáo hạn.

(***) Khoản phải thu về cho vay từ MSN, một bên liên quan, phản ánh khoản cho vay bằng VND không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 6,5%. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 11 tháng 7 năm 2021 và tiền lãi sẽ thu hồi vào ngày đáo hạn.

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản phi thương mại phải thu từ các bên liên quan	425.457.348.603	496.436.866.305
Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan	7.550.684.931	57.600.000.001
Các khoản tạm ứng	2.239.397.438	1.322.510.114
Cho mượn nguyên vật liệu	873.790.286	21.386.235.569
Tiền đặt cọc ngắn hạn	614.083.000	629.122.330
Phải thu khác	760.326.612	14.927.969
	437.495.630.870	577.389.662.288

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi cho vay phải thu từ Kenji	62.553.600.000	-
Lãi cho vay phải thu từ Shika	52.008.912.650	-
Lãi cho vay phải thu từ MSN	4.589.534.247	-
Vốn hoạt động chuyển cho ANCO Hà Nam	27.000.000.000	27.000.000.000
	146.152.046.897	27.000.000.000

(c) Phải thu khác từ các bên liên quan

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan bao gồm các khoản phi thương mại, lãi cho vay phải thu, cho mượn nguyên vật liệu và vốn hoạt động chuyển cho Chi nhánh.

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ngắn hạn:		
▪ ANCO Tiền Giang	86.118.980	259.363.047.905
▪ ANCO Thái Nguyên	359.323.392	139.986.401.670
▪ Kenji	-	57.600.000.001
▪ ANCO Nghệ An	190.371.712.341	50.751.300.000
▪ Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang (“ANCO Hậu Giang”)	234.689.928.342	46.417.245.000
▪ ANCO Vĩnh Long	-	20.929.921.949
▪ Proconco	-	262.440.000
▪ ANCO Hà Nam	428.347.914	109.345.350
▪ Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (“ANCO Bình Định”)	9.400.000	3.400.000
▪ Công ty TNHH Masan Nutri-Farm (N.A) (“MNF NA”)	386.307.920	-
▪ MSN	7.550.684.931	-
Dài hạn:		
▪ Kenji	62.553.600.000	-
▪ Shika	52.008.912.650	-
▪ MSN	4.589.534.247	-
▪ ANCO Hà Nam	27.000.000.000	27.000.000.000

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.567.701.673	856.933.851
Tăng dự phòng trong năm	276.630.518	2.710.767.822
Hoàn nhập trong năm	(1.120.258.253)	-
	2.724.073.938	3.567.701.673

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	156.917.121.345	-	78.844.473.242	-
Nguyên vật liệu	247.492.754.761	(1.525.445.132)	141.726.409.813	-
Công cụ và dụng cụ	-	-	9.069.105.359	-
Thành phẩm	30.688.174.423	-	25.085.773.137	-
	435.098.050.529	(1.525.445.132)	254.725.761.551	-

Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh khoản dự phòng trích lập trong năm (2015: không có).

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 1.525 triệu VND (1/1/2016: không có) nguyên vật liệu lỗi thời không có dự định sử dụng. Những khoản mục này liên quan đến bao bì với nhãn in cũ dự kiến được thanh lý phế liệu trong năm tới.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có nguyên vật liệu với giá gốc 1.525 triệu VND (1/1/2016: không có) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	74.437.626.222	72.726.635.638	29.543.064.720	1.610.279.035	178.317.605.615
Tăng trong năm	-	1.248.742.527	1.342.000.000	-	2.590.742.527
Thanh lý	-	(1.122.778.717)	-	-	(1.122.778.717)
Số dư cuối năm	74.437.626.222	72.852.599.448	30.885.064.720	1.610.279.035	179.785.569.425
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	22.899.276.052	33.163.618.405	17.715.287.570	1.482.002.665	75.260.184.692
Khấu hao trong năm	5.118.140.265	6.006.033.333	3.175.130.948	36.554.534	14.335.859.080
Thanh lý	-	(55.791.151)	-	-	(55.791.151)
Số dư cuối năm	28.017.416.317	39.113.860.587	20.890.418.518	1.518.557.199	89.540.252.621
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	51.538.350.170	39.563.017.233	11.827.777.150	128.276.370	103.057.420.923
Số dư cuối năm	46.420.209.905	33.738.738.861	9.994.646.202	91.721.836	90.245.316.804

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 15.817 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 11.776 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	171.526.500
Tăng trong năm	1.714.592.281	558.473.500
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(730.000.000)
Số dư cuối năm	1.714.592.281	-

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Đầu tư tài chính dài hạn

(a) Đầu tư góp vốn vào công ty con

	31/12/2016		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	1/1/2016 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND						
▪ ANCO Vĩnh Long	100.229.646.102	-	-	-	(*)	100.229.646.102	-	(*)
▪ ANCO Bình Định	20.038.558.177	-	-	-	(*)	20.038.558.177	-	(*)
▪ ANCO Tiền Giang	22.302.000.000	-	-	-	(*)	22.302.000.000	-	(*)
▪ ANCO Thái Nguyên	25.830.000.000	-	-	-	(*)	25.830.000.000	-	(*)
▪ ANCO Nghệ An	64.000.000.000	-	-	-	(*)	-	-	(*)
▪ ANCO Hậu Giang	30.000.000.000	-	-	-	(*)	-	-	(*)
▪ Masan Nutri-Farm Limited ("MNF")	499.990.000.000	-	-	-	(*)	-	-	(*)
	762.390.204.279	-	-	-	(*)	168.400.204.279	-	(*)

(*) Tại ngày báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các hoạt động chính của các công ty con như sau:

**Tỷ lệ sở hữu vốn/
quyền biểu quyết
31/12/2016 1/1/2016**

Số thứ tự	Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu vốn/ quyền biểu quyết 31/12/2016	Tỷ lệ sở hữu vốn/ quyền biểu quyết 1/1/2016
Các công ty con					
Các công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty TNHH Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế (“ANCO Vĩnh Long”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chế biến tôm, cá và mực; sản xuất, chế biến, kinh doanh khoai mì, bột mì, bắp, tấm, gạo, thực phẩm, ngũ cốc và bột ngũ cốc.	Khu IV, tuyến công nghiệp Cổ Chiên, ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (“ANCO Bình Định”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Lô B4.06, khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), khu kinh tế Nhơn, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	100,00%	100,00%

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số thứ tự	Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu vốn/ quyền biểu quyết	31/12/2016	1/1/2016
3	Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên (“ANCO Thái Nguyên”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Lô B5-B6, khu công nghiệp Trung Thành, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%
4	Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang (“ANCO Tiền Giang”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Lô 22, 23B, khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%
5	Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An (“ANCO Nghệ An”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Khu C, khu công nghiệp Nam Cẩm khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%
6	Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang (“ANCO Hậu Giang”)	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Đường số 4, khu công nghiệp Tân Phú Thạnh, giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%
7	Công ty TNHH Masan Nutri-Farm (“MNF”) (i)	Tư vấn quản lý	(Trong khuôn viên Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế) Lô A4, khu công nghiệp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	99,99%	-	-

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**Tỷ lệ sở hữu vốn/
 quyền biểu quyết**
31/12/2016 1/1/2016

Số thứ tự Công ty Hoạt động chính Địa chỉ

Công ty con sở hữu gián tiếp

1	Công ty TNHH Masan Nutri-Farm (N.A) (“MNFA”) (ii)	Chăn nuôi lợn; chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt lợn.	Xóm Cồn Sơn, xã Hạ Sơn, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	99,99% -
---	---	---	--	-------------

(i) Trong tháng 6 năm 2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đã ban hành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603383090 phê duyệt việc thành lập MNF. Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (trước đây là Công ty TNHH Masan Nutri-Science) (“MNS”) và Trụ sở chính lần lượt có 0,01% và 99,99% tỷ lệ lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNF. MNF trở thành công ty con sở hữu trực tiếp của Trụ sở chính.

(ii) Trong tháng 6 năm 2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An đã ban hành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901852878 phê duyệt việc thành lập MNF (NA). MNF sở hữu 100,00% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNF (NA). Vì vậy, MNF (NA) trở thành công ty con sở hữu gián tiếp của Trụ sở chính thông qua MNF.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào một công ty liên kết

	31/12/2016				1/1/2016							
	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sân ("Vissan")	20.180.026	24,94%	24,94%	2.135.490.172.000	-	(*)	-	-	-	-	-	-

(*) Tại ngày báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

Vissan có trụ sở đăng ký tại số 420, đường Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Vissan là chế biến và kinh doanh thịt tươi sống, thực phẩm và các sản phẩm chế biến từ thịt.

Trong tháng 3 và tháng 6 năm 2016, Trụ sở chính đã mua thêm lần lượt là 14,00% và 10,94% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Vissan. Các giao dịch này dẫn đến Vissan đã trở thành công ty liên kết trực tiếp sở hữu bởi Trụ sở chính.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm trả trước	11.259.358	254.644.184
Chi phí thuê hoạt động trả trước	1.154.172.436	1.536.126.501
Công cụ và dụng cụ trả trước	942.513.332	1.538.325.513
Chi phí khác	1.636.325.226	177.678.417
	3.744.270.352	3.506.774.615

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.674.090.801	325.974.884	2.000.065.685
Tăng trong năm	9.170.993.073	67.572.230	9.238.565.303
Phân bổ trong năm	(3.356.449.966)	-	(3.356.449.966)
Số dư cuối năm	7.488.633.908	393.547.114	7.882.181.022

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2016	1/1/2016
		VND	VND
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	15%	448.109.751	85.973.421
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15%	228.816.770	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	15%	34.819.696.857	10.828.059.019
Chi phí phải trả dài hạn	15%	1.287.711.000	1.690.634.776
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		36.784.334.378	12.604.667.216

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán – ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Pro-active Synergy Sdn. Bhd.	70.037.131.180	50.089.412.454
ANCO Vĩnh Long	28.868.743.466	27.530.286.555
Các nhà cung cấp khác	180.054.920.610	44.813.880.724
	<hr/>	<hr/>
	278.960.795.256	122.433.579.733
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả người bán chi tiết là các bên liên quan

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
ANCO Vĩnh Long	28.868.743.466	27.530.286.555
Proconco	7.365.961.277	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản thương mại phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Chuyển từ thuế phải thu VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.592.970	321.383.113	(311.633.829)	(796.314.299)	796.314.299	13.342.254
Thuế nhập khẩu	-	31.318.553.134	(30.657.350.733)	(661.202.401)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.391.526.555	75.111.699.531	(75.725.357.618)	-	-	20.777.868.468
Thuế thu nhập cá nhân	786.602.360	14.734.659.145	(10.713.995.528)	-	-	4.807.265.977
Các loại thuế khác	-	692.812.980	(586.234.623)	-	-	106.578.357
	22.181.721.885	122.179.107.903	(117.994.572.331)	(1.457.516.700)	796.314.299	25.705.055.056

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Thưởng và lương tháng thứ 13	65.226.138.310	-
Lãi trái phiếu	49.816.666.666	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	33.038.123.812	6.494.370.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1.843.506.652
Chi phí lãi vay	-	44.523.788
Chi phí khác	14.753.424.356	68.932.886.756
	<hr/>	<hr/>
	162.834.353.144	77.315.287.440
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	104.985.690.702	62.793.326.672
	<hr/>	<hr/>
	267.820.043.846	140.108.614.112

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chiết khấu bán hàng	113.570.430.701	74.064.225.179
Lãi vay phải trả cho các bên liên quan	17.721.229.167	-
	<hr/>	<hr/>
	131.291.659.868	74.064.225.179
Chiết khấu bán hàng đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(104.985.690.702)	(62.793.326.672)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	26.305.969.166	11.270.898.507

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả ngắn hạn khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Cổ tức phải trả	1.988.000.000.000	-
Mượn nguyên vật liệu	3.200.564.187	15.569.390.137
Ký quỹ ngắn hạn nhận được	242.040.000	242.040.000
Vay từ các bên liên quan	-	33.150.000.000
Kinh phí công đoàn	-	50.992.805
Bảo hiểm xã hội	-	41.122.294
Khác	4.877.852.849	230.774.875
	1.996.320.457.036	49.284.320.111

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi vay phải trả cho một bên liên quan	37.578.191.778	-

(c) Phải trả khác cho các bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngắn hạn		
▪ Cổ đông (**)	1.988.000.000.000	-
▪ ANCO Vĩnh Long (*)	2.878.606.567	435.625.915
▪ ANCO Tiền Giang (*)	321.957.620	-
▪ ANCO Hà Nam (*)	-	33.150.000.000
▪ Proconco (*)	-	3.650.000
Dài hạn		
▪ Proconco (**)	37.578.191.778	-

(*) Khoản phi thương mại phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

(**) Khoản phi thương mại phải trả bên liên quan không được đảm bảo và phải hoàn trả theo thỏa thuận.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	75.207.469.259	75.207.469.259	2.092.946.228.131	(1.596.456.602.022)	571.697.095.368	571.697.095.368
Vay dài hạn hoàn trả trước ngày đáo hạn (Thuyết minh 19(b))	-	-	4.945.100.000.000	(4.945.100.000.000)	-	-
	75.207.469.259	75.207.469.259	7.038.046.228.131	(6.541.556.602.022)	571.697.095.368	571.697.095.368

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (*)	VND	4,7% - 5,0%	368.881.483.499	75.207.469.259
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (*)	USD	1,5%	124.619.455.273	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (**)	VND	4,7% - 4,8%	78.196.156.596	-
			571.697.095.368	75.207.469.259

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng tối đa là 550 tỷ VND, không được đảm bảo và phải hoàn trả trong vòng 1 đến 3 tháng kể từ ngày giải ngân.
- (**) Khoản vay này có hạn mức tín dụng tối đa là 300 tỷ VND, không được đảm bảo và phải hoàn trả trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân.

(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn (i)	5.808.350.000.000	-
Trái phiếu phát hành (ii)	1.965.933.333.332	-
	<hr/> 7.774.283.333.332	-
Vay dài hạn hoàn trả trước ngày đáo hạn (Thuyết minh (19(a)))	(4.945.100.000.000)	-
Hoàn trả sau 12 tháng	2.829.183.333.332	-
	<hr/> <hr/>	

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay từ Proconco	VND	6,5%	2018	443.000.000.000	-
Vay từ ANCO Vĩnh Long	VND	6,6%	2018	205.700.000.000	-
Vay từ ANCO Hà Nam	VND	6,6%	2018	214.550.000.000	-
				<hr/> 863.250.000.000	-
Hoàn trả sau 12 tháng				<hr/> <hr/>	

Các khoản vay dài hạn trên không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu phát hành

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
Lô 1	VND	7%	2021	1.275.733.333.332	-
Lô 2	VND	8%	2021	690.200.000.000	-
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				1.965.933.333.332	-

Bao gồm nhưng không giới hạn, các trái phiếu phát hành trên được đảm bảo bằng một số cổ phiếu của Proconco và Công ty được nắm giữ lần lượt bởi Kenji và MNS.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	613.033.347.161	814.923.084.747
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển về từ ANCO Hà Nam	-	-	-	434.770.000.000	434.770.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	884.733.472.506	884.733.472.506
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(230.000.000.000)	(230.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.702.536.819.667	1.904.426.557.253
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển về từ ANCO Hà Nam	-	-	-	541.578.528.107	541.578.528.107
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.033.614.513.991	1.033.614.513.991
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(2.178.000.000.000)	(2.178.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.099.729.861.765	1.301.619.599.351

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

22. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông vào ngày 12 tháng 10 và ngày 18 tháng 11 năm 2016 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 2.178 tỷ VND (108.900 VND trên một cổ phiếu) (2015: 230 tỷ VND hoặc 11.500 VND trên một cổ phiếu).

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	4.776.783.537	4.071.065.334
Trong vòng hai đến năm năm	16.407.134.148	16.284.261.337
Sau năm năm	113.870.271.485	117.092.694.361
	135.054.189.170	137.448.021.032

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	96.327 USD	2.198.709.821	81.290 USD	1.820.638.347

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	3.489.916.578.684	2.306.125.673.525
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	112.126.221.899	47.737.441.185
	<u>3.602.042.800.583</u>	<u>2.353.863.114.710</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu bán hàng	(213.555.648.600)	(155.927.090.551)
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(345.958.101)
	<u>(213.555.648.600)</u>	<u>(156.273.048.652)</u>
Doanh thu thuần	<u>3.388.487.151.983</u>	<u>2.197.590.066.058</u>

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Giá vốn hàng bán

	2016	2015
	VND	VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	2.573.218.510.262	1.690.700.144.311
Nguyên vật liệu đã bán	95.112.608.451	47.567.998.638
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.525.445.132	-
	<hr/>	<hr/>
	2.669.856.563.845	1.738.268.142.949
	<hr/>	<hr/>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	149.552.583.736	73.791.319.354
Cổ tức được chia	712.127.313.515	642.950.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	6.163.380
Khác	-	10.159.069
	<hr/>	<hr/>
	861.679.897.251	716.757.641.803
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	73.899.062.308	8.210.227.757
Lãi trái phiếu và phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	62.649.999.998	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.740.344.102	1.916.567.796
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	81.947.564	7.373.163
	<hr/>	<hr/>
	139.371.353.972	10.134.168.716
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí bán hàng

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	78.785.586.001	70.515.284.595
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	147.873.083.419	39.797.666.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.304.209.667	25.906.608.917
Công cụ và dụng cụ	2.099.946.862	7.098.466.646
Chi phí khấu hao	1.346.208.036	1.484.934.156
Chi phí khác	14.090.889.831	14.549.921.837
	333.499.923.816	159.352.882.782
	333.499.923.816	159.352.882.782

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	48.066.166.276	54.106.427.831
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.930.374.625	8.016.710.469
Công cụ và dụng cụ	389.954.401	4.238.069.882
Chi phí khấu hao	1.489.257.933	1.541.821.870
Chi phí khác	2.362.701.796	6.756.978.011
	85.238.455.031	74.660.008.063
	85.238.455.031	74.660.008.063

30. Thu nhập khác

	2016	2015
	VND	VND
Hoàn nhập dự phòng	65.729.237.236	-
Tiền bồi thường nhận được	-	365.073.400
Thu nhập khác	1.235.230.393	936.532.684
	66.964.467.629	1.301.606.084
	66.964.467.629	1.301.606.084

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí khác

	2016	2015
	VND	VND
Giá trị ghi sổ của phế liệu đã bán	1.189.474.889	-
Các khoản chi phí liên quan đến thuế	3.092.776.497	-
Chi phí khác	336.422.453	583.144.680
	4.618.673.839	583.144.680

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	2.468.164.943.346	1.670.584.048.974
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	-	38.119.561.198
Chi phí nhân công và nhân viên	159.097.549.963	152.197.054.928
Chi phí khấu hao	14.335.859.080	14.675.411.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.174.299.348	71.776.761.872
Chi phí khác	383.822.290.955	63.988.932.029

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	71.977.623.221	50.491.358.362
Dự phòng thiếu trong những năm trước	3.134.076.310	-
	75.111.699.531	50.491.358.362
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(24.179.667.162)	(2.573.864.113)
	50.932.032.369	47.917.494.249

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.084.546.546.360	932.650.966.755
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	162.681.981.954	139.897.645.013
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các hoạt động khác	1.371.652.050	4.278.949.111
Chi phí không được khấu trừ thuế	422.804.668	183.400.125
Thu nhập được miễn thuế	(116.678.482.613)	(96.442.500.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	3.134.076.310	-
	50.932.032.369	47.917.494.249

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư của Trụ sở chính, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong toàn bộ thời gian dự án đối với phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh chế biến thức ăn gia súc và thức ăn thủy sản. Tuy nhiên, các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép Trụ sở chính được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2006) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2013). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập thông thường.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Thu nhập lãi cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được tái cơ cấu thành nợ gốc cho vay	57.600.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được tái cơ cấu thành nợ gốc cho vay	800.000.000	-
Khoản phải trả khác được tái cơ cấu thành nợ gốc vay	33.150.000.000	-

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư của các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Trụ sở chính có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
Chi nhánh		
ANCO Hà Nam		
Chuyển lợi nhuận về Trụ sở chính	541.578.528.107	434.770.000.000
Vay	214.550.000.000	-
Chi phí lãi vay	8.153.612.500	-
Bán thành phẩm và nguyên vật liệu	82.671.500.829	94.755.435.875
Mua thành phẩm và nguyên vật liệu	117.580.150	-
Cho mượn nguyên vật liệu	-	177.549.595
Các công ty con		
ANCO Vĩnh Long		
Cổ tức đã nhận	558.507.716.525	642.950.000.000
Vay	210.800.000.000	-
Hoàn trả nợ gốc vay	5.100.000.000	-
Chi phí lãi vay	9.567.616.667	-
Bán thành phẩm và nguyên vật liệu	132.030.143.725	262.600.011.820
Cho mượn vật liệu	28.631.921.847	23.997.961.348
Mua thành phẩm và nguyên vật liệu	11.371.381.742	17.478.273.350
ANCO Tiền Giang		
Bán thành phẩm	87.450.853.310	11.924.365.910
Mua thành phẩm và nguyên vật liệu	3.886.093.770	-
Cho mượn hàng hóa	88.624.730	-
Cho mượn hàng hóa và nguyên vật liệu	18.415.643.620	-
Cho vay	12.000.000.000	252.738.693.500
Thu hồi nợ cho vay	271.310.204.405	-
Thu nhập lãi cho vay	4.231.330.725	-
ANCO Thái Nguyên		
Bán thành phẩm	66.347.281.396	14.554.608.125
Mua thành phẩm và nguyên vật liệu	3.548.859.658	-
Cho mượn hàng hóa	565.819.292	43.520.880
Cho vay	-	55.000.000.000
Thu hồi nợ cho vay	139.954.716.900	-
Thu nhập lãi cho vay	580.826.981	-
Cổ tức đã nhận	153.619.596.990	-

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
ANCO Nghệ An		
Bán thành phẩm	8.008.703.600	-
Cho vay	139.620.412.341	50.751.300.000
ANCO Hậu Giang		
Cho vay	188.272.683.342	46.417.245.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định		
Bán thành phẩm	54.398.858.290	1.341.692.000
Proconco		
Bán thành phẩm	333.938.012.857	25.972.170.048
Mua vật liệu	252.091.998.122	1.419.457.230
Cho mượn vật liệu	-	262.440.000
Vay	5.383.000.000.000	-
Hoàn trả nợ gốc vay	4.940.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	37.578.191.778	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên		
Bán thành phẩm	39.221.608.475	-
Mua nguyên vật liệu	1.686.877.798	-
Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ		
Bán thành phẩm	11.053.268.540	-
Kenji		
Cho vay	58.400.000.000	730.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	63.353.600.000	57.600.000.001
Shika		
Cho vay	1.865.336.378.000	-
Thu hồi nợ cho vay	418.161.920.000	-
Thu nhập lãi cho vay	52.008.912.649	-

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
MSN		
Cho vay	4.396.000.000.000	-
Thu hồi nợ cho vay	4.000.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	12.140.219.178	-
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	21.481.619.076	24.959.551.519

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc



